

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG 2021

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG 2020,
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sản xuất vụ Đông luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương; đặc biệt chú trọng lớn về tích tụ ruộng đất để áp dụng cơ giới hóa và phát triển nông nghiệp hữu cơ đã trở thành đòn bẩy quan trọng để tiến đến một nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Trên thực tế, nhiều mô hình sản xuất tập trung đã đem lại hiệu quả kinh tế cao và có chiều hướng mở rộng ở nhiều địa phương trong tỉnh.

An toàn thực phẩm là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, được tiếp cận với thực phẩm an toàn đang trở thành quyền cơ bản đối với mỗi con người nên các doanh nghiệp đã có xu hướng chuyển sang đầu tư lĩnh vực nông nghiệp sạch, sản xuất các sản phẩm an toàn để cung cấp cho thị trường, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp của tỉnh. Nhiều địa phương, chính quyền đã quan tâm đến sản xuất hàng hóa, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia trong liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm.

Tuy nhiên, vụ Đông 2020 chịu ảnh hưởng rất lớn của biến đổi khí hậu và sự tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 trên thế giới cũng như trong nước đã ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đầu vụ gieo trồng chịu ảnh hưởng liên tiếp của các đợt mưa to gây ngập lụt như hoàn lưu bão số 5 từ ngày 18-20/9/2020, lượng mưa phổ biến từ 100-300 mm; không khí lạnh tăng cường từ ngày 16-20/10/2020, lượng mưa phổ biến từ 150-350mm; hoàn lưu sau bão số 9 kết hợp với không khí lạnh đã gây mưa to đến rất to trên địa bàn tỉnh Nghệ An từ ngày 28-31/10/2020, lượng mưa phổ biến 200-450 mm đã làm 6.295,99 ha diện tích rau màu các loại bị thiệt hại.

Bên cạnh đó, đại dịch Covid -19 diễn biến phức tạp đã làm đứt gãy, gián đoạn nhiều kết nối thương mại nông sản của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới, cũng

như khó khăn trong việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh. Vì vậy, đã ảnh hưởng rất lớn đến lượng tiêu thụ nông sản trong vụ Đông 2020.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

- Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

+ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Đề án, Chỉ thị sản xuất; Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về mức ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa để mua giống sản xuất cây vụ Đông năm 2020; Công điện tập trung ứng phó trước các đợt mưa bão (01 công điện của Tỉnh ủy, 03 công điện của UBND tỉnh).

+ Lãnh đạo Tỉnh, Ngành nông nghiệp đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và tình hình mưa bão; các cơ quan chuyên môn đã xây dựng các giải pháp cụ thể, kịp thời khắc phục thiệt hại cho cây trồng, khôi phục sản xuất.

+ UBND các huyện, thành phố, thị xã đã ban hành Kế hoạch, Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã xây dựng các chính sách hỗ trợ cho nông dân; trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, phòng chống lụt bão, khắc phục thiên tai, khôi phục sản xuất sau mưa bão.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (chi tiết tại phụ lục 1a)

- Vụ Đông 2020 đã hình thành được các vùng sản xuất chuyên canh mới tập trung sản xuất rau các loại và bước đầu đã hình thành được các vùng sản xuất có liên kết tiêu thụ đầu ra ổn định (như ngô sinh khối, khoai tây,...) đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất.

- Toàn tỉnh đã gieo trồng được 33.451,91 ha diện tích cây trồng vụ Đông các loại; diện tích cho thu hoạch là 33.183,51 ha/KH 37.635 ha, đạt 88,17%. Sản lượng các cây trồng đạt 264.673,61 tấn/KH 275.644 tấn, đạt 96,02%; cụ thể như sau:

+ Cây ngô: Tổng diện tích 18.061,44 ha/KH 21.500 ha (đạt 84,01%). Trong đó: Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt 16.758,09 ha/KH 16.500 ha (đạt 101,56%); năng suất 47,07 tạ/ha; sản lượng 78.872,59 tấn/KH 80.025 tấn (đạt 98,56%).

+ Cây lạc: Diện tích thu hoạch 1.354,06 ha/KH 1.500 ha (đạt 90,27%); năng suất 25,2 tạ/ha; sản lượng 3.412,71 tấn/KH 3.675 tấn (đạt 92,86%).

+ Cây rau các loại: Diện tích thu hoạch 12.274,84 ha/KH 12.500 ha (đạt 98,20%); năng suất 140,3 tạ/ha; sản lượng 172.213,7 tấn/KH 175.000 tấn (đạt 98,41%).

+ Cây khoai lang: Diện tích thu hoạch 1.424,95 ha/KH 2.000 ha (đạt 71,25%); năng suất 64,41 tạ/ha; sản lượng 9.177,44 tấn/KH 15.000 tấn (đạt 61,18%);

+ Cây khoai tây: Diện tích thu hoạch 68,22/KH 135 ha (đạt 50,53%) năng suất 146,17 tạ/ha; sản lượng 997,17 tấn/KH 1.944 tấn (đạt 51,29%).

- Sản xuất vụ Đông ngoài việc góp phần hoàn thành chỉ tiêu sản lượng lương thực còn mang lại giá trị kinh tế 1.564.174 triệu đồng.

2.3. Công tác ứng dụng, chuyển giao các TBKT và KHCN vào sản xuất

- Việc ứng dụng, chuyển giao các TBKT và KHCN vào sản xuất trong vụ Đông được đẩy mạnh, sản phẩm sản xuất ra đảm bảo an toàn, chất lượng, nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Diện tích rau, quả các loại được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 218,6 ha tại Nghĩa Đàn, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, TX Thái Hòa, TX Hoàng Mai, TP Vinh,...; Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ là 20,1 ha tại Nghĩa Đàn, Quỳnh Lưu, Nam Đàn.

+ Toàn tỉnh có 157 nhà lưới, nhà màng với tổng diện tích 25,77 ha, trồng các loại cây có giá trị cao như cà chua, dâu tây, dưa chuột, dưa lưới, hoa ly,...

- Nhiều mô hình cây trồng vụ Đông được đưa vào sản xuất, trong đó điển hình có 25 mô hình sản xuất với diện tích lớn, hiệu quả kinh tế cao và liên kết với các doanh nghiệp đã tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất. Trong đó có các mô hình có khả năng nhân rộng như: mô hình trồng ngô sinh khối có liên kết; mô hình trồng khoai tây, bí xanh, dưa chuột; ...

(Chi tiết hiệu quả các mô hình tại phụ lục 1b).

2.4. Về thực hiện các cơ chế, chính sách

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Đông như sau:

- Chính sách của UBND tỉnh:

+ Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về mức ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa để mua giống sản xuất cây vụ Đông năm 2020 với số tiền đề nghị hỗ trợ là 2.294.272.000 đồng; đã tạo động lực cho nông dân khắc phục khó khăn để mở rộng diện tích các cây vụ Đông trên đất lúa và đầu tư giống ngô chuyên gen để gieo trồng đã làm giảm thiệt hại do sâu keo mùa thu gây hại trên cây ngô.

+ Chính sách hỗ trợ giống các cây ngô và rau màu để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa bão vụ Đông 2020 theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ là 9.411.686.300 đồng đã góp phần hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

- UBND các huyện, thành, thị có diện tích bị thiệt hại do các đợt mưa bão đã trích ngân sách 10%, với số tiền 1.045.742.900 đồng để hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND.

- Ngoài ra, có 07/21 huyện, thị đã trích ngân sách huyện hỗ trợ nông dân để khuyến khích, thúc đẩy sản xuất vụ Đông với tổng số tiền 776.945.280 đồng, gồm: Anh Sơn, Con Cuông, Quế Phong, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, T.X Cửa Lò, T.X Hoàng Mai.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông 2020 còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Diện tích, sản lượng các cây trồng đều không đạt so với kế hoạch đề ra.
- Diện tích rau màu bị thiệt hại 6.295,99ha, trong đó: Diện tích thiệt hại >70% là 4.161,43ha, diện tích thiệt hại từ 30-70% là 2.134,56 ha.
- Một số huyện, thành phố không thực hiện được chính sách hỗ trợ trồng ngô, rau các loại trên đất lúa và trồng ngô chuyển gen theo Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh: TX Thái Hòa, Hưng Nguyên, Đô Lương,...
- Đầu ra của sản phẩm hàng hóa không ổn định, nông sản tiêu thụ theo hợp đồng liên kết còn khó khăn; chất lượng của nông sản chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, các doanh nghiệp, HTX chưa có cơ sở chế biến, bảo quản nông sản nên tính liên kết không bền vững.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- + Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mưa bão xảy ra thường xuyên, liên tục đã làm thiệt hại nhiều diện tích cây trồng.
- + Trên một số diện tích đất canh tác bị ngập do mưa lụt đầu vụ kéo dài đã ảnh hưởng đến thời vụ gieo trồng, dẫn đến diện tích, sản lượng các cây rau màu không đạt kế hoạch đề ra.
- + Đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại trong nước đã ảnh hưởng rất lớn lượng tiêu thụ nông sản phẩm trong vụ Đông.
- + Lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa, trong khi cơ giới hóa khâu làm đất trên đất lúa còn khó khăn đã ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trên đất lúa.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác kiểm tra, chỉ đạo sản xuất vụ Đông của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn thiếu quyết liệt và thường xuyên, chưa thực sự quan tâm chỉ đạo sản xuất; người dân có tâm lý lo sợ thiệt hại do mưa bão trong sản xuất vụ Đông nên ảnh hưởng chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

+ Một số địa phương không sản xuất được trên đất lúa; diện tích sản xuất nhỏ lẻ, không tập trung nên không thực hiện được chính sách theo Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh.

+ Vai trò của HTX ở một số nơi chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc hoạt động, kết nối doanh nghiệp; bên cạnh đó việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn gặp khó khăn, chưa thúc đẩy liên kết giữa nông dân và các tổ chức, cá nhân trong việc tiêu thụ sản phẩm.

+ Cơ chế, chính sách và mô hình còn tập trung nhiều cho hỗ trợ phát triển sản xuất, chưa hỗ trợ nhiều về sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ cũng như chưa quan tâm đến xúc tiến thương mại, quảng bá, phát triển thị trường.

IV. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2021

4.1. Về diện tích gieo trồng:

- Cây lúa:

+ Tổng diện tích lúa đã gieo cấy đạt 87.518,3 ha/KH 90.000 ha (đạt 97,24%). Trong đó: Diện tích lúa Hè thu đạt 66.019,8 ha/KH 59.000 ha, diện tích lúa Mùa đạt 21.498,5 ha/KH 31.000 ha. Diện tích lúa trổ-chắc xanh là 19.923,4 ha.

- **Cây Ngô:** Diện tích đã gieo trồng đạt 10.373 ha/KH 12.000 ha, đạt 86,44%.

- **Cây Lạc:** Diện tích đã

gieo trồng đạt 668,7 ha/KH 900 ha, đạt 74,30%.

- **Cây Vừng:** Diện tích đã gieo trồng đạt 2.817 ha/KH 3.000 ha, đạt 93,9%.

- **Cây Đậu:** Diện tích đã gieo trồng đạt 2.204,28 ha/KH 3.000 ha đạt 73,48%.

- **Cây rau:** Diện tích đã gieo trồng đạt 6.994,4 ha/KH 10.000 ha đạt 69,94%.

4.2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi, các cây trồng hiện đang sinh trưởng và phát triển tốt. Tính đến thời điểm hiện tại các đối tượng sâu bệnh hại phát sinh gây hại ở mức độ nhẹ đến trung bình, phạm vi gây hại trên diện hẹp. Trên cây lúa: Diện tích nhiễm các đối tượng sâu bệnh hại chính gồm: Sâu cuốn lá nhỏ 430 ha, sâu đục thân 17 ha, chuột 718 ha, ốc bươu vàng 143 ha, rầy các loại 7 ha, nhện gié 15 ha, bệnh bạc lá 64 ha, khô vằn 4.377 ha. Trên ngô, rau màu: Các sâu bệnh hại chính như sâu keo mùa thu, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội, bệnh héo vàng, thối gốc phát sinh gây hại ở mức độ nhẹ, phạm vi gây hại trên diện hẹp.

- Trong thời gian tới các địa phương và cơ quan chuyên môn cần tập trung một số nội dung sau:

+ Đối với cây lúa đã gieo cấy cần rà soát, đánh giá, phân trà để có biện pháp chăm sóc phù hợp với từng trà. Trên lúa Hè Thu giai đoạn đứng cái làm đòng cần theo dõi và bón đón đòng kịp thời, đúng liều lượng để thúc đẩy quá trình phân hóa đòng. Trên lúa Mùa giai đoạn đẻ nhánh cần tiến hành bón phân đúng kỹ thuật giúp cây lúa đẻ nhánh khoẻ, đẻ tập trung.

+ Tập trung theo dõi để có biện pháp quản lý kịp thời một số sâu bệnh như: Trên lúa Hè thu, mùa: Theo dõi sát diễn biến của sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié, bệnh bạc lá, lem lép hạt, bệnh khô vằn, bệnh lùn sọc đen và chuột hại. Trên ngô, rau màu: Tập trung các sâu bệnh chính như: Sâu keo mùa thu, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội, giòi đục lá, bệnh héo xanh, héo vàng, bệnh thán thư, thối gốc lở cổ rễ. Trên cây ăn quả có múi: Theo dõi phòng trừ hiệu quả các sâu bệnh chính như: Bệnh thán thư, thối nâu quả, vàng lá thối rễ, bệnh loét, rầy chổng cánh và bệnh Greening, sâu vẽ bùa, ruồi đục quả, ngài chính hút quả.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2021

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2021

1.1. Nhận định về khí tượng

Theo Dự báo của Đài Khí tượng – Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2021 như sau:

* *Bão và Áp thấp nhiệt đới*: Từ nay đến hết năm 2021 còn khoảng 9-11 cơn bão và ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, trong đó có khoảng 2-3 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền khu vực Bắc Trung Bộ. Đề phòng mưa lớn xảy ra dồn dập trong các tháng 10 và 11/2021 ở các tỉnh Bắc Trung Bộ.

* *Nhiệt độ, nắng nóng*:

- Nhiệt độ trung bình từ tháng 08 - 10/2021 ở khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 0.5-1.0 độ C.

- Nhiệt độ trung bình từ tháng 11 đến tháng 12/2021 phổ biến xấp xỉ đến thấp hơn từ 0- 0.5 độ C so với TBNN cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình tháng 01/2022 phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

- Không khí lạnh có xu hướng hoạt động sớm, gia tăng tần suất và cường độ trong tháng 11/2021, sau hoạt động mạnh hơn vào tháng 12/2021 và tháng 01/2022.

* *Lượng mưa*:

- Tháng 8-9/2021, tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn 5-15% so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ.

- Tháng 10/2021, tổng lượng mưa phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ 20-40%.

- Tháng 11-12/2021, tổng lượng mưa ở khu vực phổ biến thấp so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ 10-20%.

- Tháng 01/2022, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

1.2. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2021

1.2.1. Thuận lợi

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm chỉ đạo cũng như có các chính sách khuyến khích để phát triển sản xuất.

- Các cây trồng vụ Đông mang lại giá trị kinh tế cao và nông dân ngày càng có kinh nghiệm trong thâm canh, sản xuất.

- Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh với từng loại cây trồng tạo tiền đề cho thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...), cơ giới hóa đã và đang được áp dụng vào sản xuất có hiệu quả sẽ nâng cao giá trị sản xuất.

- Các mô hình liên kết sản xuất (ngô sinh khối, khoai tây,...) đã được khẳng định và các HTX kiểu mới ngày càng hoạt động có hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân.

- Hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp tạo điều kiện ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất vụ Đông.

1.2.2. Khó khăn

- Biến đổi khí hậu vẫn hết sức phức tạp, khó lường, trong khi hệ thống thủy lợi ở một số nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu úng, thoát nước, do đó sẽ ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng cũng như gây thiệt hại cho sản xuất vụ Đông.

- Dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp trên thế giới và trong nước, do vậy sẽ ảnh hưởng đến việc đầu tư tái sản xuất, tiêu thụ nông sản cũng như công tác chỉ đạo, phòng trừ sâu bệnh trong thời gian tới.

- Giá cả vật tư nông nghiệp tăng mạnh nhất là phân bón, trong lúc giá cả nông sản không ổn định sẽ ảnh hưởng đến sản xuất của nông dân.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu, trong khi cơ giới hoá khâu làm đất trên đất lúa còn hạn chế nên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ, mở rộng diện tích, tiếp cận, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất.

- Diện tích sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, quy mô hộ gia đình sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng cơ giới hóa cũng như thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

- Nguy cơ chuột, sâu keo mùa thu, ... tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

- Hệ thống bảo quản rau, củ, quả sau thu hoạch còn thiếu và yếu, các cỡ sở sơ chế còn manh mún, nhỏ lẻ. Công nghệ thu hoạch và xử lý sau thu hoạch mới chỉ áp dụng được trong một số rất ít các doanh nghiệp, dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Công tác xúc tiến thị trường, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn. Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và vụ Đông nói riêng còn thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

2.1. Phương hướng

Vụ Đông là vụ sản xuất quan trọng, hàng năm đóng góp 7-8 % sản lượng lượng thực có hạt cả năm. Ngoài ra, sản xuất vụ Đông còn làm chuyển biến nhận thức và thay đổi tư duy của người nông dân trong việc sản xuất hàng hóa, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và từng bước thực hiện mục tiêu chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới nâng cao. Vì vậy, xác định phương hướng như sau:

- Tập trung chỉ đạo phân đầu sản xuất đạt mức cao nhất về diện tích, năng suất, sản lượng theo kế hoạch đề ra với phương châm sản xuất an toàn và phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao, gia tăng giá trị sản xuất, góp phần quan trọng vào hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2022. Trong đó, tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng diện tích cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao. (*Cây ngô lấy hạt, ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi. Cây rau đẩy mạnh diện tích theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo sản phẩm an toàn, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và hình thành các vùng chuyên canh*).

- Đẩy mạnh liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị và ổn định sản xuất.

- Khuyến khích ưu tiên, có chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân quan tâm đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt ở các khâu sản xuất, dịch vụ gắn với tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Mục tiêu

Toàn tỉnh phân đầu gieo trồng 35.545 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau đậu các loại, khoai lang, khoai tây). Trong đó, diện tích trên đất bãi ven sông khoảng 7.500 ha, diện tích đất màu ven biển khoảng 4.700 ha, diện tích trên đất lúa 3.750 ha và diện tích trên đất màu đồng khoảng 19.595 ha. Mục tiêu phân đầu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	20.000		
	<i>Trong đó: Ngô trên đất 2 lúa</i>	<i>3.000</i>		
1.1	Cây ngô lấy hạt	15.000	47,5	71.250,0
1.2	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò	5.000	300,0	150.000,0
2	Cây lạc	1.500	24,5	3.675,0
3	Rau đậu các loại	12.400	140,0	173.600,0
	<i>Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa</i>	<i>750</i>		
4	Khoai lang	1.500	75,0	11.250,0
5	Khoai tây	150	145,0	2.175

(Chỉ tiêu cụ thể cho từng huyện, thành, thị ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Giải pháp bố trí vùng sản xuất

Căn cứ vào lợi thế từng vùng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và trình độ thâm canh của các địa phương để có định hướng xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất các cây trồng sát với tình hình thực tế, bố trí các vùng sản xuất an toàn gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đối với sản xuất trên đất 2 lúa: Bố trí sản xuất trên những vùng chủ động tưới tiêu, thoát nước tốt nhằm sản xuất an toàn và đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên sử dụng các loại cây trồng có giá trị như bầu bí, dưa chuột,... hoặc ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi.

- Với những vùng chuyên canh sản xuất các loại rau, củ, quả, cần tuyên truyền để khuyến khích, thúc đẩy mở rộng diện tích các loại rau ăn lá, lấy củ, quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,... Đồng thời cần có dự báo nhu cầu thị trường để phát triển diện tích từng giống rau gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Các địa phương căn cứ vào điều kiện, lợi thế để có thể mở rộng, phát triển diện tích các loại rau lấy củ, quả có thời gian bảo quản dài hơn nhằm giải quyết một phần khâu tiêu thụ.

3.2. Giải pháp về kỹ thuật

3.2.1. Bố trí cơ cấu giống và thời vụ

a) Về thời vụ:

* Cây ngô:

- Trên đất 2 lúa:

+ Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước. Khuyến cáo trồng ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi để rút ngắn thời gian, giảm áp lực thời vụ.

+ Tiến hành làm đất và gieo trồng ngô sau khi thu hoạch lúa Hè thu và phải kết thúc gieo trồng trước 15/9 để đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau.

- Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cao cường chuyển sang làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm, ... tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước ngày 10/9.

- Trên vùng đất màu bãi ven sông: Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để ra giống khi điều kiện thời tiết thuận lợi, tránh ngập lụt.

* *Cây lạc*: Kết thúc gieo trồng trước ngày 10/9.

* *Cây rau các loại*:

- Trên đất 2 lúa, căn cứ vào thời gian thu hoạch lúa, thời gian sinh trưởng của từng loại rau và tình hình thời tiết để gieo trồng sao cho thu hoạch trước ngày 05/01/2022 để không ảnh hưởng đến thời vụ lúa Xuân năm sau.

- Trên những diện tích đất màu, tùy từng loại cây như rau ăn lá, rau lấy củ, rau lấy quả, ... có thể trồng từ đầu tháng 9 trở đi và gieo trồng nhiều lứa/vụ.

* *Cây Khoai lang*: Trồng từ 10/9 - 05/10. Trên đất lúa, kết thúc trồng trước ngày 15/9 để đảm bảo lúa Xuân năm sau.

* *Cây khoai tây*: Trồng từ ngày 01-10/11.

* *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm*: Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt cây giống chè, mía, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, ... tranh thủ lúc thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch năm 2022.

b) Về sử dụng giống:

* Cây ngô:

Các địa phương căn cứ vào đặc điểm vùng sản xuất, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

- Mỗi địa phương lựa chọn cơ cấu từ 4 - 6 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng, có khả năng chống

chịu tốt với sâu bệnh. Đối với sâu keo mùa thu trên cây ngô, ưu tiên sử dụng những giống ngô chuyên gen nhằm hạn chế gây hại của sâu keo mùa thu.

+ Cây ngô trồng lấy hạt, sử dụng các giống chủ lực như: DK6919S, NK66 Bt/GT, LVN14, VN5885, CP511, ...

+ Các giống ngô có sinh khối lớn như: NK7328, CP111, ...

+ Ngô lấy bắp ăn tươi sử dụng các giống: HN68, MX6, ...

- Đối với các diện tích ngô trên đất 2 lúa và đất bãi ven sông suối dễ xảy ra ngập lụt: Sử dụng các giống ngô lấy bắp ăn tươi, ngô sinh khối.

- Những vùng trồng ngô sinh khối có hợp đồng thu mua với các đơn vị bao tiêu sản phẩm: Sử dụng các giống ngô có sinh khối lớn, căn cứ vào hợp đồng thu mua và thời gian sinh trưởng của giống để lựa chọn thời gian gieo trồng thích hợp nhằm đảm bảo đúng tiến độ thu hoạch.

(Chi tiết tại phụ lục 03)

* *Cây lạc*: Sử dụng giống L14, L23, L26, TB 25, sen lai 75/23, TK10,...

* *Cây khoai lang*: Sử dụng các giống: Khoai lang KLC266, KL20-209, K4,...

* *Cây khoai tây*: Có thể sử dụng các giống khoai tây Atlantic, Marabel, Diamant, Solara,...*(phải có kế hoạch chuẩn bị nguồn giống chất lượng)*,...

* *Các loại rau*: Trên cơ sở đất đai, quy trình kỹ thuật đã được tập huấn, các mô hình đã được xây dựng và đánh giá có hiệu quả, kinh nghiệm canh tác để lựa chọn các giống rau thích hợp cho từng vùng, từng địa phương và có dự báo nhu cầu thị trường tiêu thụ để mở rộng diện tích. Có thể sử dụng các giống rau như:

- Rau lấy lá, hoa:

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ dưa, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, cải ngồng,...

+ *Bắp cải*: KK cross, Thúy Phong,...

+ *Súp lơ*: Mantop, Green Magic, Thanh Hoa,...

- Rau lấy củ:

+ *Cà rốt*: Takii 103, Takii 108, Takii 444,...

+ *Su hào*: Worldcol B52, Winner

- Rau lấy quả:

+ *Bí xanh*: Bí xanh số 1, Nova 209, An Điền 686,...

+ *Cà chua*: Savior, VT10, NH 2764, C95, Tre việt 10,...

+ *Dưa chuột*: PC4, PN- 636, VL-639, Kichi 207,...

(Chi tiết tại phụ lục 04)

Chú ý: Trên cơ sở khung thời vụ và các giống nêu trong Đề án, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng và diễn biến mưa lũ để các địa phương xem xét, tính toán có kế hoạch gieo trồng sát với tình hình thực tế vừa giảm thiểu được thiệt hại do mưa lũ, vừa đảm bảo cho năng suất cao và không ảnh hưởng đến kế hoạch gieo trồng cây trồng vụ Xuân 2021.

3.2.2. Về phân bón

Bón đủ, bón đúng theo hướng dẫn của quy trình thâm canh từng giống đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống. Do đặc thù của sản xuất vụ Đông ở Nghệ An thường xảy ra nhiều đợt mưa lớn, kéo dài, vì vậy sử dụng phân bón cần lưu ý:

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối, tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh,... giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển khoẻ chống chịu tốt với điều kiện bất lợi của ngoại cảnh nhất là trên các cây rau.

- Để giảm thất thoát phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng, chọn thời điểm bón tùy theo điều kiện thời tiết trong từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây.

- Sử dụng các chế phẩm hữu cơ sinh học để bổ sung phân bón cho cây trồng.

3.2.3. Về phòng trừ sâu bệnh hại

Thực hiện các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp(IPM), quản lý tổng hợp sức khỏe cây trồng (IPHM) trên các cây trồng vụ Đông; hạn chế sử dụng thuốc BVTV, ưu tiên sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ và chỉ được sử dụng các loại thuốc BVTV có trong danh mục thuốc được phép sử dụng trên rau, sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng.

3.2.4. Về công tác thủy lợi

- Tổ chức tốt công tác thủy lợi bằng việc tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Có phương án chủ động ứng phó khi xảy ra mưa lớn, lũ gây ngập úng đối với cây trồng vụ Đông, trong đó cần quan tâm cây rau, lạc và một số vùng ngô trên đất 2 lúa trong mùa mưa bão.

- Giải quyết tốt nhu cầu nước tưới cho cây rau và ngô trên đất 2 lúa (nhất là thời kỳ ngô trổ cờ, phun râu).

3.3. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất rau, củ, quả an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân vào để mở rộng những diện tích này.

- Tổng kết, nhân nhanh các mô hình hiệu quả như các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt,....

- Duy trì, phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,....

3.4. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Các địa phương căn cứ vào các chính sách hiện hành cũng như trích ngân sách của địa phương để hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới trong tổ chức thực hiện, tìm kiếm để làm cầu nối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng các mô hình liên kết mới; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả để duy trì và nhân rộng.

- Các địa phương căn cứ vào kế hoạch sản xuất của mình để giới thiệu sản phẩm, tích cực trong việc kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân vào liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

3.5. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng sản phẩm

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

- Các địa phương tổ chức quản lý tốt vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình đúng theo các quy định của nhà nước.

- Sử dụng các giống đã được công nhận và có trong danh mục cơ cấu theo Đề án tổ chức sản xuất vụ Đông 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Sử dụng phân bón và thuốc BVTV nằm trong danh mục được phép sử dụng và lưu thông.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn, nhất là các sản phẩm rau, củ quả.

3.6. Giải pháp cơ chế chính sách

- Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh cho người dân gồm:

+ Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

+ Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính

sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Đông. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

a) Phòng Quản lý Kỹ thuật và KHCN

- Chủ trì phối hợp với Chi cục Trồng trọt và BVTV tham mưu cho Lãnh đạo Sở trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc thực hiện Đề án sản xuất vụ Đông năm 2021.

- Tham mưu chỉ đạo đẩy mạnh việc mở rộng thực hiện các mô hình, tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả như: VietGAP, rau trên đất 2 lúa,...

- Tham mưu chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông trong xây dựng kế hoạch và các nội dung tập huấn, tuyên truyền để hướng dẫn, phổ biến đề án đến tận người dân. Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao làm cơ sở khoa học và thực tiễn để mở rộng sản xuất ở các năm sau.

- Phối hợp với Chi cục Thủy lợi tham mưu công tác tưới tiêu, phòng chống bão lụt,...

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An,... và các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình hạn hán, lụt bão và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình

huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra bão lụt.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Đông trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai bão lụt, hạn hán, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án phòng chống sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Đông gửi các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

c) Chi cục Thủy lợi

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi nhân ngày 16/10 hàng năm đúng yêu cầu, thiết thực và kết hợp với diệt chuột.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, xây dựng phương án tiêu, thoát nước kịp thời cho cây trồng vụ Đông khi có mưa bão lớn gây ngập lụt.

- Đôn đốc đề các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương để vận hành tốt trong mùa mưa bão sắp tới, phục vụ sản xuất vụ Đông kịp thời.

d) Chi cục Phát triển nông thôn

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới.

- Xây dựng kế hoạch để hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Đông.

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ tìm kiếm, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất; xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong tỉnh.

e) Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

f) Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiên bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình cây trồng vụ Đông có hiệu quả kinh tế cao như: Mướp đắng, dưa chuột, dưa lưới, bí xanh, hành tằm, ngô thức lấy thân lá làm thức ăn cho bò, ngô liên kết hàng hóa, ... và các tiên bộ kỹ thuật khác.

g) Trung tâm Giống cây trồng

Tổ chức triển khai, bố trí các mô hình để theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua (Phòng quản lý kỹ thuật và KHCN).

h) Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2021.

2. UBND các huyện, thành, thị

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh, ... của địa phương mình để xây dựng Đề án sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải có tinh thần tiên công, chủ động, vượt trội so với chỉ tiêu kế hoạch của Tỉnh.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước nhất là diện tích ngô trên đất lúa để tăng diện tích.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông ngay từ đầu vụ, đặc biệt đối với cây ngô cần chú ý phòng trừ sâu keo mùa thu.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để quản lý chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng các loại phân bón không đảm bảo chất lượng để đảm bảo tốt quyền lợi cho doanh nghiệp và người nông dân.

- Chọn đối tác đủ điều kiện theo quy định của nhà nước để cung ứng giống phục vụ sản xuất trên địa bàn. Quản lý, chỉ đạo các tổ chức cá nhân trong việc cung ứng giống cây trồng, phân bón, vật tư đầu vào, ... phục vụ sản xuất trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật; Trên nguyên tắc tạo tính tự chủ, quy định rõ trách nhiệm.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Đông cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác dự tính, dự báo, thông tin tuyên truyền hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phòng trừ thiên tai, dịch bệnh hại cây trồng ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

d) Đầu môi mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

e) Dự báo nhu cầu thị trường để có phương án sản xuất rải vụ thích hợp, phát triển mở rộng diện tích nhất là các loại rau, củ, quả đảm bảo an toàn theo các tiêu chuẩn, hình thành các vùng rau chuyên canh gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho nông dân.

f) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống kê, thống nhất số liệu định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (qua phòng Trồng trọt) vào sáng thứ 4 hàng tuần để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

3. Các ngành và đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT: Tạo mọi điều kiện thuận lợi, đơn giản cho nông dân được vay đủ vốn để phục vụ sản xuất.

- Đối với các tổ chức chính trị xã hội: Căn cứ nhiệm chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông 2021.

4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, HTX

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng vụ Đông với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như Hợp tác xã để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng

Đề nghị Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn giành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tình

hình diễn biến sâu bệnh hại cây trồng,...đến người dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Tăng cường thông tin trên đài phát thanh - truyền hình huyện, đài truyền thanh các xã phường, thị trấn về sản xuất vụ Đông. Đồng thời, phối hợp tốt hơn nữa với cơ quan khí tượng, thủy văn để nắm bắt và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân né tránh. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

V. ĐỀ NGHỊ

Vụ Đông năm 2021 là vụ sản xuất đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như thiên tai (bão lụt); các loại dịch hại có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: chuột, sâu keo mùa thu,... và dịch bệnh Covid - 19 bùng phát mạnh trong nước cũng như trên thế giới. Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Ban hành chính sách hỗ trợ giá giống ngô sinh khối, khoai tây có hợp đồng liên kết bao tiêu sản phẩm và trồng ngô, rau màu các loại trên đất lúa cho người nông dân trong vụ Đông 2021.

2. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Đông năm 2021 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo hoàn thành thắng lợi sản xuất Đông năm 2021.

3. Chỉ đạo các ngành, các cấp và UBND các huyện, thành, thị tăng cường công tác chỉ đạo một cách quyết liệt, thường xuyên như: Ban hành các văn bản chỉ đạo; Thành lập ban chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng vụ Đông; Đồng thời trích ngân sách huyện để khuyến khích, hỗ trợ bà con nông dân trong sản xuất.

Trên đây là những nội dung chính của dự thảo Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2021; Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh, các Đoàn thể, UBND Huyện, sự phối hợp tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh nhằm mục tiêu đạt được kết quả cao trong vụ Đông 2021. /.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Hoàng Nghĩa Hiếu PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Webservice Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đệ

Phu lục 1a:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đông 2019	Đông 2020	So sánh 2020/2019		Kết quả vụ Đông 2020 so với kế hoạch	
					Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
					Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây Ngô							
	Tổng diện tích gieo trồng	ha	18.391,46	18.252,84	-138,62	99,25	-3.247,16	84,90
	Tổng diện tích thu hoạch	ha	18.291,26	18.061,44	-229,82	98,74	-3.438,56	84,01
1.1	- Diện tích gieo trồng ngô lấy hạt	ha	17.350,88	16.949,49	-401,39	97,69	449,49	102,72
	- Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt	ha	17.250,68	16.758,09	-492,59	97,14	258,09	101,56
	- Năng suất thu hoạch	tạ/ha	48,20	47,07	-1,13	97,66	-1,43	97,05
	- Sản lượng	tấn	83.152,23	78.872,59	-4.279,64	94,85	-1.152,41	98,56
1.2	Diện tích ngô sinh khối làm thức ăn xanh cho bò	ha	1.040,58	1.303,35	262,77	125,25	-3.696,65	26,07
2	Cây Lạc							
	- Diện tích gieo trồng	ha	1.375,79	1.354,06	-21,73	98,42	-145,94	90,27
	- Diện tích thu hoạch	ha	1.375,79	1.354,06	-21,73	98,42	-145,94	90,27
	- Năng suất thu hoạch	tạ/ha	24,54	25,20	0,66	102,69	0,70	102,86
	- Sản lượng	tấn	3.376,59	3.412,71	36,12	101,07	-262,29	92,86
3	Cây Rau							
	- Diện tích gieo trồng	ha	12.185,85	12.351,84	165,99	101,36	-148,16	98,81
	- Diện tích thu hoạch	ha	12.185,85	12.274,84	88,99	100,73	-225,16	98,20
	- Năng suất thu hoạch	tạ/ha	135,12	140,30	5,18	103,83	0,30	100,21
	- Sản lượng	tấn	164.653,94	172.213,70	7.559,76	104,59	-2.786,30	98,41
4	Cây Khoai lang							
	- Diện tích gieo trồng	ha	1.496,64	1.424,95	-71,69	95,21	-575,05	71,25
	- Diện tích thu hoạch	ha	1.496,64	1.424,95	-71,69	95,21	-575,05	71,25
	- Năng suất thu hoạch	tạ/ha	73,47	64,41	-9,06	87,67	-10,59	85,88
	- Sản lượng	tấn	10.995,96	9.177,44	-1.818,52	83,46	-5.822,56	61,18
5	Cây Khoai tây							
	- Diện tích gieo trồng	ha	96,77	68,22	-28,55	70,50	-66,78	50,53
	- Diện tích thu hoạch	ha	96,77	68,22	-28,55	70,50	-66,78	50,53
	- Năng suất thu hoạch	tạ/ha	143,02	146,17	3,15	102,20	2,17	101,51
	- Sản lượng	tấn	1.384,00	997,17	-386,83	72,05	-946,83	51,29

Phu lục 1b: CÁC MÔ HÌNH CÓ HIỆU QUẢ TRONG VỤ ĐÔNG 2020

TT	Địa điểm	Tên mô hình sản xuất	Lãi thu được(triệu đồng/ha)	Ghi chú
1	Các xã Diễn Hùng, Hoàng, Lâm, Diễn Trung...- huyện Diễn Châu	Ngô sinh khối	12-14	Liên kết với Công ty TH True Milk
	Các xã Diễn Hoàng, Diễn Xuân, Diễn An, Diễn Lộc, Diễn Cát....- huyện Diễn Châu	Dưa chuột	90	
	Các xã Diễn Hải, Diễn Phong, Diễn Trung, Diễn Thịnh - huyện Diễn Châu	Khoai tây	90	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
2	Xã Minh Thành, Mỹ Thành - huyện Yên Thành	Dưa chuột, mướp đắng, mướp hương	100-120	
	Xác xã: Mỹ Thành, Bảo Thành, Tân Thành- huyện Yên Thành	rau, hoa trong nhà lưới	150-200 triệu/1.000 m ² /vụ	Lãi chưa tính chi phí nhà lưới
	Các xã Liên Thành, Mỹ Thành, Công Thành, Đại Thành - huyện Yên Thành	Ngô nếp hàng hóa	40-45	
	Xã Lãng Thành, Tiến Thành- huyện Yên Thành	Khoai tây	100	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
	xã Quang Thành, Lãng Thành, Tây Thành - huyện Yên Thành	Ngô sinh khối	15-20	
	xã Trung Thành, Đông Thành, Hùng Thành - huyện Yên Thành	Bí đỏ	60-75	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
3	Xã Tân Sơn - huyện Quỳnh Lưu	Các loại rau quả	110	
	Xã An Hòa- huyện Quỳnh Lưu	Ngô hàng hóa	40	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
	Xã An Hòa - huyện Quỳnh Lưu	Ớt cay	120	

4	Các xã Nghĩa Thịnh, Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lâm,...- huyện Nghĩa Đàn	Ngô sinh khối	22	Liên kết với Công ty TH True Milk
5	Xã Nghi Liên - TP Vinh	Rau an toàn	70-80	Liên kết một phần diện tích
	Xã Nghi Liên - TP Vinh	Măng tây	65-70	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
6	Xã Nghĩa Thuận - TX Thái Hòa	Dưa chuột, cà chua nhà màng	300	Lãi chưa tính chi phí nhà màng
7	Xã Giang Sơn Đông - Đô Lương	Trồng Hoa ly nhà màng	50 triệu/MH/vụ	
8	Huyện Quế Phong	Rau các loại	32	
9	Xã Nghi Long - Nghi Lộc	Hoa cúc trong nhà màng	400-450	Lãi chưa tính chi phí nhà màng
10	Huyện Anh Sơn	Trồng khoai tây trên đất bãi	74	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
11	Xã Long Xá - huyện Hưng Nguyên	Trồng khoai tây	40-50	
	Xã Hưng Tân - huyện Hưng Nguyên	Trồng tỏi	35-40	
12	Xã Thanh Liên, Thanh Lĩnh - huyện Thanh Chương	Trồng bí xanh	116,6	
13	Xã Môn Sơn - huyện Con Cuông	Trồng bí xanh	82,6	
14	TX Cửa Lò	Trồng dưa chuột	200-220	

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2021 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

TT	Toàn tỉnh	Cây ngô (ha)			Cây lạc (ha)	Khoai tây (ha)	Khoai lang (ha)	Cây rau đậu các loại (ha)	
		Tổng DT	Trong đó					Tổng DT	Trong đó diện tích rau đậu trên đất lúa
			Trong đó DT Ngô trên đất lúa	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò					
		20.000,0	3.000,0	5.000,0	1.500,0	150,0	1.500,0	12.400,0	750,0
1	Diễn Châu	1.650,0	100,0	500,0	840,0	75,0	-	1.100,0	-
2	Yên Thành	1.100,0	300,0	150,0	60,0	20,0	190,0	1.300,0	100,0
3	Quỳnh Lưu	900,0	150,0	400,0	80,0	-	230,0	1.800,0	230,0
4	TX Hoàng Mai	230,0	35,0	110,0	30,0	-	70,0	590,0	20,0
5	Nghi Lộc	1.700,0	425,0	40,0	220,0	-	-	1.000,0	100,0
6	Nam Đàn	2.600,0	600,0	320,0	35,0	-	220,0	1.600,0	-
7	H/Nguyên	230,0	35,0	100,0	-	30,0	40,0	500,0	50,0
8	Đô Lương	1.000,0	90,0	150,0	35,0	-	145,0	380,0	105,0
9	TP Vinh	90,0	-	-	50,0	-	5,0	110,0	12,0
10	TX Cửa Lò	50,0	-	25,0	5,0	-	65,0	55,0	-
11	Th/Chương	3.200,0	150,0	150,0	-	-	150,0	750,0	10,0
12	Tân Kỳ	1.000,0	-	875,0	-	-	-	600,0	10,0
13	Nghĩa Đàn	1.100,0	-	650,0	70,0	-	145,0	500,0	-
14	TX Thái Hoà	250,0	-	150,0	-	5,0	5,0	150,0	40,0
15	Quỳ Hợp	1.000,0	345,0	195,0	-	-	75,0	445,0	-
16	Quỳ Châu	350,0	20,0	130,0	30,0	-	60,0	285,0	3,0
17	Quế Phong	50,0	-	-	-	-	20,0	265,0	-
18	Anh Sơn	2.500,0	420,0	915,0	-	20,0	40,0	400,0	50,0
19	Con Cuông	700,0	250,0	120,0	25,0	-	35,0	275,0	10,0
20	T/Dương	300,0	80,0	20,0	20,0	-	5,0	295,0	10,0
21	Kỳ Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 03: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức và đã đưa vào sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	GIỐNG CHỦ LỰC			
1	DK6919 S	105 - 110	55-60	Giống chuyên gen
2	NK7328	112 - 117	55-60	Có sinh khối lớn
3	NK66 Bt/GT	110 - 115	55-60	Giống chuyên gen
4	LVN14	107 - 110	50-55	
5	VN5885	105 - 110	55-60	
6	CP511	105 - 110	55-60	
7	CP111	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
8	HN68	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
9	MX6	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU			
I	NGŨ LẤY HẠT			
1	LVN10	117 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
3	NK6253	115 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
4	PAC999 Super	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
5	PAC 339	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
6	P 4311	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
7	P4199	110 - 115	55-60	
8	PAC 789	110 - 115	50-55	
9	DK 6818	110 - 115	50-55	
10	NK4300	110 - 115	50-55	
11	NK6410	110-115	50-55	
12	NK 66	110 - 115	55-60	
13	CP3Q	110 - 115	50-55	
14	PSC 102	105 - 110	55-60	
15	CP512	105 - 110	55-60	
16	HN45	105 - 110	55-60	

17	LVN61	105 - 110	55-60	
18	CP311	105 - 110	55-60	
19	SSC557	100 - 110	55-60	
20	CS71	100 - 110	55-60	
21	LVN17	102 - 110	50-55	
22	LVN 092	95 - 100	50-55	
23	CP333	95 - 100	50-55	
II	NGÔ CHUYÊN GEN			
1	NK7328 Bt/GT	112 - 117	55-60	Giống chuyên gen
2	NK4300 Bt/GT	105 - 115	55-60	Giống chuyên gen
3	DK9955S	105 - 110	55-60	Giống chuyên gen
III	NGÔ CÓ SINH KHỐI LỚN			
1	AVA3668	105 - 110	50-55	Có sinh khối lớn
2	AG69	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
3	SSC586	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 747	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
5	LVN 152	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
IV	NGÔ THU HOẠCH ĂN TƯƠI			
1	HN268	75 - 85	50-55	Thu hoạch ăn tươi
2	Fancy 111 (Nếp tím)	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
3	MX10	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	HN88	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
5	Ngô nếp Bạch Long	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi

Phu lục 04: Danh sách các giống lạc, rau, khoai lang, khoai tây đã sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	TGST vụ Đông (ngày)	Ghi chú
I	Giống lạc		
1	L14	105 - 110	
2	L23	100 - 105	
3	L26	95 - 100	
4	TB25	100 - 110	
5	Sen lai 75/23	110 - 115	
6	TK10	108 - 110	
7	L20	105 - 110	
II	Giống rau		
1	Bắp cải		
-	KK Cross	80 - 85	
-	Thúy Phong	80 - 90	
2	Bí xanh		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Bí xanh thiên thanh 5	90 - 95	
-	Nova 209	75 - 80	
-	An Điền 686	80 - 85	
-	Bí xanh Green 258	85 - 90	
3	Cà rốt		
-	Takii 103	100 - 105	
-	Takii 108	100 - 105	
-	Takii 444	100 - 105	
4	Dưa chuột		
-	PC4	80 - 85	
-	VL - 639	80 - 85	
-	PN - 636	80 - 85	
-	Maya	75 - 80	thu trái bao tử
-	Kichi 207	75 - 80	thu trái bao tử
5	Súp lơ		
-	Man top	100 - 105	
-	Green Magic	100 - 105	
-	Thanh Hoa	100 - 105	
III	Giống khoai lang		
1	KLC-266	100 - 105	
2	KL20-209	110 - 115	
3	K4	105 - 110	
IV	Giống khoai tây		
1	Atlantic	85 - 90	
2	Marabel	85 - 90	
3	Diamant	85 - 90	
4	Solara	80 - 90	